

Số: 689/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 04 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 662/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Lô J, khu quy hoạch Đ, tổ R, khu vực Z, phường T1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Châu Nhật V, sinh năm 2004.

Địa chỉ: W, phường C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đăng T và chị Châu Nhật V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2023 tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị V là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến cuối năm 2023, giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Đầu năm 2024, vợ chồng sống ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị V là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận.

[2] Về con chung: anh Nguyễn Đăng T và chị Châu Nhật V có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng Nhật M, sinh ngày 24/5/2023. Hiện nay, cháu M đang ở với chị V.

Nay ly hôn, anh T và chị V thỏa thuận: giao cháu Nguyễn Đăng Nhật M cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); anh T cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng/tháng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn Đăng T và chị Châu Nhật V xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đăng T và chị Châu Nhật V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Đăng T và chị Châu Nhật V có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng Nhật M, sinh ngày 24/5/2023. Hiện nay, cháu M đang ở với chị V.

Giao cháu Nguyễn Đăng Nhật M cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); anh T cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng/tháng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: anh Nguyễn Đăng T và chị Châu Nhật V xác nhận không có, không có ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đăng T và chị Châu Nhật V, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm

nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004558 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T và chị V đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. T1, thành phố H;
- (ĐKKH số 28, ngày 07/7/2023)
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Văn Hạnh